

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 22-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Anh

2. Ông Huỳnh Duy Phương

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thiện Nhân - Thư ký viên Tòa án.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/2020/TLST-DS, ngày 26/10/2020 tranh chấp dân sự về “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2020/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 157/2020/QĐST-DS, ngày 31/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1964. Địa chỉ cư trú: tổ 3, ấp T1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Út E, sinh năm 1971. Cùng địa chỉ cư trú: ấp Mỹ H1, xã TT, huyện PT, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Hoàng V trình bày: Nguyên vào ngày 17/06/2012 ông có cho vợ chồng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Út E vay mượn số tiền vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); nội dung tờ biên nhận do ông T viết và vợ chồng cùng nhau ký tên và ghi họ tên vào biên nhận. Các bên thỏa thuận với nhau lãi suất là 3%/tháng, không có thỏa thuận thời gian trả lại, có đóng lãi suất cho ông cho đến từ ngày cho mượn đến ngày 29/12/2017 thì ngưng với số tiền lãi khoảng 50.000.000 đồng cho đến nay không có khả năng đóng lãi hay trả vốn gì nữa.

Nay, yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Út E trả ngay số tiền vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và đối với lãi suất hiện nay không yêu cầu nữa do hoàn cảnh của ông T, bà Út E hiện gặp khó khăn.

Tại bảng tự khai và biên bản hòa giải không được ngày 25-11-2020 bị đơn bà Nguyễn Thị Út E trình bày: Nguyên vào ngày 17/06/2012 vợ chồng bà có vay mượn của ông Nguyễn Hoàng V số tiền vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); có làm tờ biên nhận do ông T viết và vợ chồng cùng ký tên và ghi họ tên vào tờ biên nhận. Các bên thỏa thuận với nhau mức lãi suất là 3%/tháng, có đóng lãi suất cho ông V cho đến ngày 29/12/2017 không nhớ số tiền lãi đã góp bao nhiêu thì ngưng do không có khả năng góp lãi hay trả số tiền vốn gì thêm nữa. Hiện nay vợ chồng bà còn nợ ông V số tiền vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và yêu cầu xin phân tính lãi suất do không còn khả năng trả lãi suất thêm cho ông V; đối với số tiền lãi suất đã góp cho ông V những tháng trước đó thì bà không có yêu cầu Tòa án điều chỉnh theo quy định.

Riêng chồng bà (ông Lê Văn T) khi bà nhận được giấy triệu tập, thông báo của Tòa án tham gia giải quyết vụ kiện của ông V nhưng ông Thôn chồng bà không chịu đến gặp ông V để thương lượng.

Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt: không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: ông Nguyễn Hoàng V khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Út E trả tiền vốn vay, được Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

{1.2} Giao dịch dân sự giữa các bên phát sinh vào thời điểm ngày 29/12/2017 không thực hiện theo thỏa thuận, các bên cũng không có thỏa thuận thời gian trả nợ và không có yêu cầu áp dụng thời hiệu vì vậy đến ngày Tòa án thụ lý giải quyết là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

{1.3} Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Út E được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông T và bà Út E không có mặt tại phiên tòa nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Út E.

{2} Về nội dung vụ án:

Nội dung tranh chấp giữa đôi bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Lời khai của nguyên đơn ông V và lời khai của Nguyễn Thị Út E thống nhất về việc xác lập giao dịch hợp đồng vay tài sản với nhau; bà Út E xác nhận vợ chồng bà có vay tiền vốn của ông Nguyễn Hoàng V vào ngày 17/06/2012, sau đó đến ngày 29/12/2017 thì ngưng thực hiện nghĩa vụ góp lãi theo thỏa thuận với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng trả nợ vốn và lãi cho ông V mà hứa khi nào bán đất sẽ trả dứt số tiền vốn vay. Xét, các bên khai thống nhất với nhau số tiền vốn vay còn nợ, còn phương thức thanh toán bà Út E chưa đưa ra cách thức thanh toán cho ông V do còn chồng ông T quyết định. Riêng ông T là chồng của bà Út E do từ khi thụ lý cho đến xét xử đều vắng mặt nhưng bà Út E là vợ của ông T thừa nhận ông bà có cùng ký tên trong giấy biên nhận nợ đề ngày 17/06/2012 nợ số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng nên cần buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Út E cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông V buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Út E trả số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng.

{3} Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông V không phải chịu án phí. Vì vậy, ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Út E phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1, Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V. Buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Út E cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền vốn vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Út E cùng chịu án phí 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Ông Nguyễn Hoàng V không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001636, ngày 26-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Út E được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- CCTHADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thành Thuận